

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trường hợp nghiên cứu điển hình tại TP. Đà Nẵng

TS. LÊ TUẤN LỘC & THS. NGUYỄN THỊ TUYẾT

*Trường Đại học Kinh tế - Luật
Đại học Quốc gia TP.HCM*

Mục tiêu của nghiên cứu là nhận diện các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sự hài lòng của các nhà đầu tư nhằm giúp các chính quyền địa phương đưa ra các quyết định đúng đắn hơn trong vấn đề thu hút đầu tư FDI của mình. Nghiên cứu tiến hành điều tra 120 doanh nghiệp có vốn đầu tư FDI trên địa bàn TP Đà Nẵng nhằm thu thập và phân tích số liệu. Dựa vào mô hình phân tích khám phá và phân tích hồi quy bội, nhóm tác giả đã nhận diện các yếu tố và mức độ ảnh hưởng như sau: (1) Nhóm nhân tố cơ sở hạ tầng; (2) Nhóm nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; (3) Nhóm nhân tố về sự hình thành và phát triển của cụm ngành; (4) Nhóm nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực; và (5) Nhóm nhân tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên.

Từ khóa: *Sự hài lòng, đầu tư trực tiếp nước ngoài, TP. Đà Nẵng, yếu tố môi trường, mô hình phân tích khám phá, hồi quy bội.*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một bộ phận đầu tư rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nó góp phần tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Do vậy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế của quốc gia nói chung và các địa phương nói riêng. Địa phương mà công ty nước ngoài lựa chọn đầu tư là khu vực phải thỏa mãn các yêu cầu của các công ty đa quốc gia nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, tăng trưởng doanh thu, giảm thiểu rủi ro.... Do vậy để thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài, những nhà quản lý cần phải nhận dạng đúng những nhu

cầu của các nhà đầu tư nước ngoài và từ đó đưa ra các chính sách phù hợp. Nội dung của bài viết tập trung vào các vấn đề chính sau đây: (1) Xây dựng khung lý thuyết của mô hình nghiên cứu; (2) Nhận dạng và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài; và (3) Đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1. Khung lý thuyết

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến vấn đề thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tuy nhiên mỗi một nghiên cứu đề cập đến những vấn đề khác nhau.

Le Quoc Thinh (2011) trong

nghiên cứu: “ FDI Determinants - from the viewpoint of investors in Long An province” đã kết luận rằng các nhóm yếu tố thị trường, nguồn lao động, cơ sở hạ tầng và chính sách đầu tư là những yếu tố tác động đến sự hài lòng của doanh nghiệp FDI về môi trường đầu tư của tỉnh Long An.

Nguyen Ngoc Anh và Nguyen Thang (2007) trong nghiên cứu “Foreign direct investment in Viet Nam: An overview and analysis the determinants of spatital distribution across provinces” đã chứng minh rằng nhóm yếu tố thị trường, nhóm yếu tố về lao động và cơ sở hạ tầng có tác động đến sự phân bố về mặt không gian của vốn FDI giữa các

địa phương.

Theo Agnieszka Chidlow and Stephen Young (2008), trong nghiên cứu “Regional Determinants of FDI distribution in Poland”, tác giả đã kiểm tra các yếu tố quyết định dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ba Lan, ở cấp độ khu vực. Kết quả cho thấy rằng các nhân tố tìm kiếm kiến thức, nhân tố tìm kiếm thị trường, nhân tố tích tụ hay sự hình thành cụm ngành, tác động chính đến dòng vốn FDI

Nguyễn Mạnh Toàn trong mô hình nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của VN”. Bằng phương pháp thống kê, mô tả nghiên cứu đã kết luận rằng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phát triển là yếu tố quan trọng bậc nhất, xếp theo sau lần lượt là những ưu đãi hỗ trợ đầu tư của chính quyền địa phương, cũng như của trung ương; chi phí hoạt động thấp; nhân tố kém phân quan trọng hơn là thị trường tiềm năng; nhân tố không ảnh hưởng lớn đến quyết định lựa chọn địa điểm nhà đầu tư là vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng xã hội.

Theo Li, Xinzhang (2005), trong nghiên cứu “Foreign Direct Investment Inflows in China: Determinants at Location” [12, tr.29-tr.31] dựa trên bộ dữ liệu các địa phương của Trung Quốc sử dụng mô hình định lượng đã đi đến kết luận rằng vốn FDI tích lũy, quy mô thị trường, mức độ phát triển kinh tế, thương mại tự do, và chi phí lao động là những nhân tố quan trọng nhất của môi trường đầu tư tác động tích cực đến việc lựa chọn địa điểm của nhà đầu tư.

Như vậy các nghiên cứu trước đó ở ngoài nước và trong nước đã chứng minh rằng các nhân tố tác

động sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: sự ổn định kinh tế vĩ mô; cơ sở hạ tầng; chất lượng nguồn nhân lực; công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; các chính sách ưu đãi đầu tư; quy mô và sự tiềm năng của thị trường; sự hình thành cụm ngành. Những địa phương nào có chất lượng các yếu tố trên được cải thiện, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ làm gia tăng sự hài lòng của nhà đầu tư, là cơ sở cho việc tiếp tục mở rộng đầu tư của các nhà đầu tư, giới thiệu cho các nhà đầu tư khác và là tiền đề cho việc tiếp tục thu hút được nhiều nhà đầu tư đến đầu tư tại địa phương.

Để nhận diện mô hình phù hợp với thực tế Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thảo luận và phỏng vấn các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố. Tất cả đều cho rằng cần bổ sung vào thang đo nhóm nhân tố về “vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên”. Như vậy mô hình nghiên cứu mà nhóm tác giả lựa chọn được tóm tắt như sau:

- Quy mô thị trường: Thể hiện qua độ lớn của thị trường đối với hàng hóa và dịch vụ, thể hiện ở sự phù hợp của sản phẩm đối với thị trường và tiềm năng của thị trường thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng.

- Chất lượng nhân nguồn lực: Thể hiện thông qua nguồn lao động dồi dào, số lượng lao động có tay nghề và lao động có trình độ cao.

- Lợi thế chi phí: Thể hiện thông qua chi phí lao động, chi phí thuê mướn mặt bằng và chi phí điện, nước, cước phí vận chuyển.

- Cơ sở hạ tầng: Thể hiện thông qua hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện ổn định, hệ thống cấp

thoát nước và hệ thống bưu chính, ngân hàng thuận lợi.

- Sự hình thành các cụm ngành: Cụm ngành bao gồm các doanh nghiệp cung ứng đầu vào và dịch vụ có liên quan, hoặc các ngành nghề khác có chia sẻ về hoạt động sản xuất, công nghệ và quan hệ khách hàng; các định chế tài chính, giáo dục, nghiên cứu; những tổ chức này phải nằm gần nhau về mặt địa lý.

- Công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương: Thể hiện qua sự sẵn lòng và kỹ năng phục vụ của cán bộ công chức cho các nhà đầu tư.

- Chính sách ưu đãi đầu tư: Thể hiện thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, chi phí thuê mặt bằng.

- Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên được đo lường thông qua 3 biến: vị trí địa lý thuận lợi; tài nguyên phong phú thuận lợi cho phát triển sản xuất; có nhiều bãi biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp thuận lợi cho việc phát triển du lịch.

- Sự hài lòng của các nhà đầu tư: Thể hiện thông qua việc đạt được những mục tiêu của mình: hiệu quả kinh doanh; tăng trưởng doanh thu; tăng trưởng lợi nhuận; tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp sẵn sàng giới thiệu doanh nghiệp khác vào đầu tư.

2. Kết quả ứng dụng

Để ứng dụng mô hình nghiên cứu trong thực tiễn, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra 150 DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn TP (chiếm 93,7% số DN đang hoạt động trên địa bàn TP). Trong đó cơ cấu ngành nghề chủ yếu tập trung vào ngành CN-XD chiếm đến 64,4% , ngành DL-DV chiếm 33,8%, ngành NL-TS

Bảng 1: Các chỉ tiêu của mô hình

Nhóm nhân tố về quy mô thị trường	- Quy mô thị trường tiêu thụ lớn - Sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ tốt tại địa phương - Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao
Nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực	- Nguồn lao động dồi dào - Lao động có tay nghề nhiều - Doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm nhân lực có trình độ cao
Nhóm nhân tố về chi phí	- Chi phí lao động rẻ - Chi phí trả cho thuê mướn mặt bằng thấp - Chi phí trả cho việc sử dụng điện, nước, cước vận tải hợp lý
Nhóm nhân tố về cơ sở hạ tầng	- Hệ thống giao thông thuận lợi - Hệ thống cấp điện ổn định - Hệ thống cấp thoát nước hoạt động tốt - Hệ thống bưu chính, ngân hàng thuận lợi
Nhóm nhân tố về sự hình thành cụm ngành	- Tại địa phương có nhiều khu, cụm tập trung cho doanh nghiệp hoạt động - Các doanh nghiệp cùng ngành, doanh nghiệp cung cấp linh kiện phù hợp tập trung gần nhau - Các nhà cung cấp linh kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp
Nhóm nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương	- Thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn - Trình độ, kỹ năng và thái độ phục vụ của cán bộ quản lý tốt - Cơ quan nhà nước sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp - Các thắc mắc, phản ánh của doanh nghiệp luôn được giải đáp thỏa đáng
Nhóm nhân tố về chính sách ưu đãi đầu tư	- Địa phương ưu đãi nhiều về thuê mặt bằng - Địa phương có nhiều ưu đãi về thuế - Doanh nghiệp vẫn đầu tư nếu địa phương không có nhiều chính sách ưu đãi
Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên	- Vị trí địa lý thuận lợi - Tài nguyên phong phú thuận lợi cho phát triển sản xuất - Có nhiều bãi biển, cảnh quan thiên nhiên đẹp thuận lợi cho việc phát triển du lịch

chiếm 1,6% . Doanh nghiệp được khảo sát có quốc tịch từ 18 quốc gia, trong đó Nhật Bản chiếm tỉ lệ cao nhất với 30,6 %, tiếp theo là Mỹ, Hàn Quốc chiếm 13,2%, sau đó là Đài Loan, Malaysia đều chiếm 8,26%, còn lại là các doanh nghiệp đến từ các nước khác. Địa điểm hoạt động của các doanh nghiệp FDI được khảo sát nằm trong KCN chiếm 45,5% và ngoài KCN chiếm 54,5%. Trong các doanh nghiệp FDI khảo sát, số doanh nghiệp xuất khẩu chiếm 37%, số DN vừa xuất khẩu vừa tiêu thụ trong nước chiếm 32%,

số doanh nghiệp chỉ tiêu thụ ở thị trường trong nước chiếm 31%. Về thời gian hoạt động của doanh nghiệp thì các đa số các doanh nghiệp được khảo sát đầu tư vào thành phố Đà Nẵng sau khi VN gia nhập WTO (tính từ đầu năm 2007) chiếm 61,2%, còn lại 38,8% các doanh nghiệp còn lại đầu tư vào Đà Nẵng từ 1990 đến hết năm 2006.

Cuộc khảo sát được tiến hành vào tháng 5/2012 theo phương thức chọn mẫu thuận tiện và phỏng vấn trực tiếp theo bảng câu hỏi được thiết kế theo 8 nhân tố

ảnh hưởng đến sự hài lòng và có thang đo từ 1 đến 5. Nhóm khảo sát đã tiến hành khảo sát thử 30 mẫu, và sau khi điều chỉnh bảng câu hỏi cho sát với tình hình thực tế nhóm đã tiến hành khảo sát thảo luận điều kiện nghiên cứu.

2.1. Phân tích nhân tố

Bảng câu hỏi bao gồm 26 biến quan sát với 8 nhân tố theo mô hình khung lý thuyết và 4 biến quan sát đo lường mức độ hài lòng của các nhà đầu tư. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.

Theo tác giả Nunally và Burnstein (1994) [6] điều kiện Cronbach's Alpha phải từ 0,6 trở lên là sử dụng được. Bên cạnh đó cần loại bỏ các biến quan sát có mức độ tương quan thấp với các mục câu hỏi còn lại trong nhóm, cụ thể Corrected Item - Total correlation (hệ số tương quan với biến tổng) < 0,3 thì biến sẽ bị loại ra khỏi nhóm nhân tố. Kết quả cho thấy biến quan sát "Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh" có corrected item - Total correlation = 0,285 < 0,3, do đó bị loại ra khỏi nhóm nhân tố quy mô thị trường, kết quả sau khi loại bỏ biến này thì hệ số Cronbach's Alpha của nhóm nhân tố quy mô thị trường tăng lên 0,679. Vì vậy, biến này sẽ bị loại ra khỏi phân tích nhân tố EFA tiếp theo.

2.2. Kết quả phân tích khám phá nhân tố EFA

Theo Hair & ctg (1998) "Factor loading là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA, Factor loading lớn hơn 0,50 được xem là có ý nghĩa thiết thực. Factor loading của các biến quan sát phải lớn hơn hoặc bằng 0,50". Vì vậy tác giả chọn "Suppress absolute values less than" bằng

Bảng 2: Kết quả kiểm định thang đo Cronbach's Alpha

Các nhóm nhân tố	Cronbach's Alpha
Quy mô thị trường	0,613
Vị trí địa lý và tài nguyên tự nhiên	0,756
Lợi thế về chi phí	0,684
Sự hình thành cụm ngành	0,836
Chất lượng nguồn nhân lực	0,837
Cơ sở hạ tầng	0,738
Công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương	0,842
Chính sách về ưu đãi đầu tư của địa phương	0,787
Sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài	0,828

0,50 để đảm bảo được ý nghĩa thiết thực của EFA. Phương pháp trích yếu tố Principal Component Analysis với phép xoay Varimax và điểm dừng khi trích các yếu tố có eigenvalue là 1 được sử dụng cho phân tích nhân tố đối với 25 biến quan sát. Kết quả kiểm định KMO cho thấy trị số KMO đối với 25 biến quan sát của môi trường đầu tư là KMO = 0,723 với Sig. = 0,000 cho thấy giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau, và trị số KMO của 4 biến quan sát về sự hài lòng của nhà đầu tư là KMO = 0,668 với Sig. = 0,000. Kết quả phân tích nhân tố cũng cho thấy

từ 25 biến quan sát của 8 nhóm nhân tố đại diện cho môi trường đầu tư được rút trích còn 7 nhóm nhân tố bao gồm: (S) Nhóm nhân tố về quy mô thị trường, (V) Nhóm nhân tố về vị trí địa lý, (T) Nhóm nhân tố về sự hình thành cụm ngành, (L) Nhóm nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực, (I) Nhóm nhân tố về cơ sở hạ tầng, (G) Nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương (U) Nhóm nhân tố về chính sách về ưu đãi đầu tư của địa phương. Bên cạnh đó, 4 biến quan sát đo lường mức độ hài lòng trích được 1 biến đại diện là nhóm nhân tố về sự hài lòng của

nhà đầu tư nước ngoài.

2.3. Phân tích hồi quy bội

Phương trình hồi quy có dạng như sau:

$$K = \beta_0 + \beta_1.S + \beta_2.V + \beta_3.T + \beta_4.L + \beta_5.I + \beta_6.G + \beta_7.U$$

Trong đó:

* K là biến phụ thuộc thể hiện mức độ về sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài

* $\beta_0, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7$ là các hệ số hồi quy

* S, V, T, L, I, G, U là các biến độc lập theo thứ tự: Quy mô thị trường; vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên; sự hình thành cụm ngành; chất lượng nguồn nhân lực; cơ sở hạ tầng; chất lượng quản lý và hỗ trợ; chính sách ưu đãi

Các biến đưa vào phân tích hồi quy được tính nhân số của nhân tố bằng cách tính trung bình cộng của các biến quan sát thuộc nhân tố đó. Các biến trong mô hình hồi quy tuyến tính bội được giải thích thông qua Bảng 3.

Bảng 3 cho kết quả có 5 biến đảm bảo có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 95% là : vị trí

địa lý và tài nguyên thiên nhiên ; sự hình thành và phát triển cụm ngành; sự hình thành và phát triển cụm ngành; chất lượng nguồn nhân lực; cơ sở hạ tầng và công tác quản lý, hỗ trợ của chính quyền địa phương. Còn 2 biến không có ý nghĩa thống kê là quy mô thị trường và chính sách về ưu đãi đầu tư của địa phương.

Sau khi chạy mô

Bảng 3: Kết quả hồi quy

	Hệ số chưa chuẩn hóa (Unstandardized Coefficients)		Hệ số chuẩn hóa (Standardized Coefficients)	Giá trị (t)	Mức ý nghĩa (Sig.)	Thống kê cộng tuyến (Collinearity Statistics)	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)							
Quy mô thị trường	0,027	0,342		0,079	0,937		
Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên	0,016	0,048	0,017	0,323	0,747	0,936	1,069
Sự hình thành và phát triển cụm ngành	0,129	0,056	0,134	2,308	0,023	0,788	1,268
Chất lượng nguồn nhân lực	0,196	0,059	0,219	3,346	0,001	0,617	1,622
Cơ sở hạ tầng	0,157	0,057	0,171	2,763	0,007	0,692	1,446
Công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương	0,364	0,063	0,362	5,800	0,000	0,682	1,467
Chính sách về ưu đãi đầu tư của địa phương	0,224	0,048	0,271	4,644	,000	,778	1,286
(Constant)	-0,081	0,062	-0,071	-1,300	,196	,885	1,130

hình hồi quy bằng phương pháp đưa vào một lượt (Enter), hệ số R^2 hiệu chỉnh = 0,682 chứng tỏ 68,2% sự biến thiên của biến phụ thuộc (mức độ hài lòng của nhà đầu tư) được giải thích bởi các biến độc lập, hay nói cách khác mô hình giải thích tốt các dữ liệu quan sát. Các kiểm định tính phù hợp của mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến và tính ổn định của phương sai của sai số không có vi phạm.

Mô hình hồi quy dự đoán mức độ ảnh hưởng của các nhân

và phát triển của cụm ngành (0,196); nhóm nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực (0,157); và cuối cùng là nhóm nhân tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên (0,129). Đối với từng biến quan sát (nhân tố thành phần) trong từng nhóm nhân tố kể trên thì sự quan trọng của nó cụ thể được đánh giá thông qua trọng số đã tiến hành trong quá trình phân tích nhân tố, trọng số càng lớn thì vai trò của yếu tố càng quan trọng.

Kết luận: Thông qua kiểm

Bảng 4: Tóm tắt mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	0,837a	0,700	0,682	0,30303

tố đến sự hài lòng của các doanh nghiệp FDI như sau:

$$K = 0,27 + 0,129.V + 0,196.T + 0,157.L + 0,364.I + 0,224.G$$

Giải thích ý nghĩa của các hệ số hồi quy:

Mô hình này giải thích được 68,2% sự thay đổi của K là do các biến độc lập trong mô hình tạo ra, còn lại 31,8% sự thay đổi của K được giải thích bởi các biến khác ngoài mô hình. Hệ số hồi quy của từng biến trong mô hình hồi quy thể hiện mức độ ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố đến sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài, nếu giá trị càng cao thì mức độ ảnh hưởng càng mạnh. Như vậy có thể sắp xếp theo thứ tự từ mạnh đến yếu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài như sau: Nhóm nhân tố về cơ sở hạ tầng (0,364); nhóm nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương (0,224); nhóm nhân tố về sự hình thành

định mô hình hồi quy, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng lần lượt như sau: Nhóm nhân tố cơ sở hạ tầng; nhóm nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; nhóm nhân tố về sự hình thành và phát triển của cụm ngành; nhóm nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực và cuối cùng là nhóm nhân tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên.

3. Một số gợi ý chính sách

3.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là yếu tố tác động nhiều nhất đến sự hài lòng của các nhà đầu tư nước ngoài, nó thể hiện: (1) Hệ thống giao thông (cầu đường, cảng, xe...) thuận lợi; (2) Hệ thống cấp điện ổn định; (3) Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo; và (4) Hệ thống bưu chính viễn thông, ngân hàng thuận tiện. Do vậy, Nhà nước và chính quyền địa phương cần phải

chú trọng vào: (i) Đầu tư nâng cấp hệ thống cảng biển, cảng hàng không đủ để tiếp nhận hàng hóa và đáp ứng nhu cầu đi lại của hành khách, nâng cấp hóa và hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng đô thị, mạng lưới giao thông thông minh, và phát triển hệ thống giao thông công cộng thành phố; (ii) Nâng cấp hệ thống điện bằng cách xây thêm các trạm hạ thế trung gian để tránh quá tải nhằm đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định cho các hoạt động sản xuất kinh doanh; (iii) Hệ thống xử lý nước thải cần phải được nâng cấp nhằm đáp ứng đầy đủ và thuận tiện hoạt động sản xuất, sinh hoạt và bảo vệ môi trường; và (iv) Cải thiện hệ thống bưu chính viễn thông, ngân hàng. TP cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, nâng cấp, xây dựng cổng nối Internet trực tuyến cung cấp những thông tin đầy đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Hoàn thiện công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương

Công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền thể hiện qua: (1) Thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn; (2) Trình độ, kỹ năng và thái độ phục vụ của cán bộ; (3) Cơ quan nhà nước sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp; (4) Các thách thức, phản ánh của doanh nghiệp luôn được giải đáp thỏa đáng. Do vậy chính quyền địa phương cần: (i) Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm cơ chế “một cửa, một đầu mối” trong công tác xúc tiến đầu tư tại Trung tâm xúc tiến đầu tư; (ii) Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở TP để giải quyết nhanh

các vấn đề có liên quan trực tiếp đến FDI nhằm loại bỏ sự chồng chéo về thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo thời gian giải quyết, phòng chống tệ nạn quan liêu, tham nhũng, tạo môi trường đầu tư lành mạnh, thông thoáng, cởi mở, minh bạch; (iii) Tiếp tục đơn giản các tiêu chí xem xét, thẩm định các dự án, rút ngắn thời gian xét duyệt, thẩm định, và cấp giấy phép đầu tư; và (iv) Cán bộ cần nâng cao trình độ nghiệp vụ, nắm vững chính sách, quy định hiện hành, nhanh chóng cập nhập những thay đổi bổ sung trong chính sách để giải đáp những thắc mắc, giải quyết các vấn đề mà DN đang gặp phải trong khuôn khổ của pháp luật. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về chính sách ưu đãi đầu tư mà Chính phủ quy định, nhưng cũng biết vận dụng linh hoạt phù hợp với sự phát triển của địa phương.

3.3. Hình thành các cụm ngành tại địa phương

Yếu tố hình thành cụm ngành công nghiệp thể hiện qua: (1) Hình thành các khu, cụm tập trung cho doanh nghiệp hoạt động; (2) Các doanh nghiệp cùng ngành, doanh nghiệp cung cấp linh kiện phù hợp tập trung gần nhau; (3) Các nhà cung cấp linh kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy, thành phố Đà Nẵng cần chú trọng vào một số hoạt động sau: (i) Thành phố hoàn thiện các KCN đã đi vào hoạt động và tiếp tục triển khai hạ tầng tại các KCN mới. TP cần tiếp tục khảo sát, định hướng hình thành các cụm ngành một cách rõ ràng, xem xét nhóm các khu, cụm công nghiệp gần nhau và xác định rõ

ngành nghề ưu tiên phát triển để tạo điều kiện thuận lợi cắt giảm chi phí cho DN, cũng như công tác quản lý của chính quyền địa phương; (ii) Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu sản phẩm và dịch vụ cho các ngành công nghiệp chủ lực. Chính quyền địa phương cũng phải chú trọng hỗ trợ khuyến khích các ngành công nghiệp phụ trợ đổi mới công nghệ từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.4. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Yếu tố về nguồn nhân lực thể hiện: (1) Nguồn lao động dồi dào; (2) Lao động có tay nghề; và (3) Doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm nhân lực có trình độ cao. Như vậy, Chính quyền Đà Nẵng cần chú trọng vào một số vấn đề sau: (i) Tạo môi trường lao động, chính sách nhập cư thuận lợi nhằm thu hút lực lượng lao động phổ thông, lao động có tay nghề từ các tỉnh thành ở các khu vực lân cận tạo điều kiện cho doanh nghiệp trên địa bàn TP Đà Nẵng nâng cao năng lực cạnh tranh của mình; và (ii) Chú trọng phát triển và hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng hội nhập từ cấp phổ thông, dạy nghề đến bậc đại học nhằm cung cấp cho thị trường lao động đội ngũ lao động có tay nghề cao, có trình độ chất lượng có thể làm chủ công nghệ mới.

4. Kết luận

Bài viết đã xây dựng mô hình đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài với 8 nhóm nhân tố và 26 biến quan sát. Kết quả vận dụng thực tiễn vào Đà Nẵng cho thấy các nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của

nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: Nhóm nhân tố cơ sở hạ tầng; nhóm nhân tố về công tác quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương; nhóm nhân tố về sự hình thành và phát triển của cụm ngành; nhóm nhân tố về chất lượng nguồn nhân lực và cuối cùng là nhóm nhân tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên. Trong đó, nhóm nhân tố cơ sở hạ tầng có tác động mạnh nhất, tiếp theo lần lượt là nhóm nhân tố công tác quản lý và hỗ trợ chính quyền địa phương, nhóm nhân tố về sự hình thành và phát triển cụm ngành, nhóm yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực và nhóm yếu tố về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên. Do vậy để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chính quyền cần phải áp dụng các giải pháp tích cực tác động đến các nhóm yếu tố trên nhất là yếu tố cơ sở hạ tầng, quản lý và hỗ trợ của chính quyền địa phương, và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Agnieszka Chidlow and Stephen Young (2008), *Regional Determinants Of Fdi Distribution in Poland*, William Davidson Institute, The University of Michigan: wdi.umich.edu/files/publications/workingpapers/wp943.pdf (download ngày 15.8.2012)
- Blomstrom, Magnus & Kokko, Ari (1997), *How Foreign Investment Affects Host Countries*
- Bradbury, Kodrzycki, Tannenwald (1997), *Incentives' Role In Site Location*
- Dunning J.H (1988b), *The Electic Paradigm Of International Production*
- http://sdocument.ishlyon.cnrs.fr/cnrs_cas2/site/www.iconf.org.cnrs_cass2/files/16_Li_Xingzhong.pdf

(Xem tiếp trang 83)